

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2025/DS-ST

Ngày: 23/9/2025

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Ma Văn Hoàn;

2. Bà H Loan Ưông.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Lý - Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 78/2025/TLST-DS ngày 29 tháng 5 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2025/QĐXXST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2025/QĐST-DS ngày 05 tháng 9 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Y T, sinh năm 1964, số CCCD: 066064004188, địa chỉ: Buôn B, xã Đ, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn B, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk), có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Y Ta, sinh năm 1981, số CMND: 240807271 và bà H L, sinh năm 1982, số CMND: 240807272, cùng địa chỉ: Buôn T, xã Buôn T, huyện L, tỉnh Đắk Lắk (nay là buôn T, xã Đắk L, tỉnh Đắk Lắk), vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn ông Y T trình bày:**

Ngày 02/7/2019 ông Y T cho vợ chồng ông Y Ta và bà H L vay số tiền gốc tổng cộng 200.000.000 đồng, lãi thỏa thuận là 0.9%/tháng, thời hạn vay là 03 năm đến hết ngày 30/6/2022, kỳ hạn trả nợ 03 tháng trả tiền lãi một lần, còn tiền gốc trả dần trong ba năm. Phương thức thanh toán là trả dần hằng năm kể từ ngày 26/6/2020 trả số tiền gốc là 66.500.000 đồng với số tiền lãi ba tháng là 5.500.000 đồng cho đến hết thời hạn trả nợ. Khi vay hai bên không cầm cố hay thế chấp bất

cứ tài sản gì chỉ lập giấy tờ vay tiền và các bên cùng ký vào sau khi đã thực hiện xong việc vay tiền.

Từ ngày vay 02/7/2019 đến ngày 31/3/2020 thì ông Y Ta và bà H L đã trả lãi đầy đủ nhưng từ ngày 01/4/2020 cho đến nay thì chưa trả một khoản tiền nào, kể cả tiền gốc và lãi.

Nay do ông Y Ta và bà H L vi phạm nghĩa vụ cam kết trả nợ nên ông Y T yêu cầu Tòa án buộc ông Y Ta và bà H L phải trả lại số tiền gốc đã vay là 200.000.000 đồng và tiền lãi.

*** Đối với bị ông Y Ta và bà H L:** Tòa án đã thông báo, triệu tập cho ông Y Ta và bà H L tham gia tố tụng để giải quyết việc tranh chấp nhưng hai người đều vắng mặt không có lý do. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tại các phiên tòa cũng không có mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì.

* Tại Quyết định trưng cầu giám định số 01/2025/QĐ-TCGD ngày 17 tháng 7 năm 2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk đã quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk giám định chữ ký và chữ viết của ông Y Ta và bà H L tại giấy ghi “giấy vay tiền” ngày 02 tháng 7 năm 2019. Tại kết luận Giám định số 200/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk đã kết luận chữ ký và chữ viết Y Ta và bà H L tại “giấy vay tiền” ngày 02 tháng 7 năm 2019 so sánh với mẫu so sánh là do cùng một người ký, viết ra.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk phát biểu:

Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Đây là vụ án “tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng Dân sự. Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Vấn đề thu thập chứng cứ, lấy lời khai, thời hạn chuẩn bị xét xử và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 97, 98, 203, 220 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Việc tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự và cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại Điều 170 đến Điều 175, Điều 178 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Bị đơn được triệu tập nhưng không tham gia tố tụng và vắng mặt tại các phiên tòa là vi phạm các quy định Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về giải quyết vụ án: Theo giấy ghi “giấy vay tiền” ngày 02 tháng 7 năm 2019 và Kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 15 tháng 8 năm 2025 của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk xác định ngày 02/7/2019 bị đơn ông Y Ta

và bà H L có vay của nguyên đơn là ông Y T số tiền gốc 200.000.000 đồng, với lãi suất 0.9166%/tháng, thời hạn trả là ba năm. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền gốc đã vay 200.000.000 đồng và lãi suất với mức là 0,9166%/tháng tính từ ngày 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo “giấy vay tiền” ghi ngày 02 tháng 7 năm 2019 do nguyên đơn dùng làm căn cứ khởi kiện và lời khai của các đương sự có nội dung nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền tổng cộng là 200.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất 0.9166%/tháng, thời hạn vay là 03 năm đến hết ngày 30/6/2022, kỳ hạn trả nợ 03 tháng trả tiền lãi một lần, còn tiền gốc trả dần trong ba năm thì trả đủ cả gốc và lãi, cho đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa thanh toán hết tiền vay gốc và lãi cho nguyên đơn. Xét quan hệ pháp luật dân sự về việc vay tiền giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật, do đó quyền và nghĩa vụ của các bên được pháp luật bảo vệ. Tuy nhiên nguyên đơn xác định bị đơn không trả nợ đúng thời hạn theo thỏa thuận như đã cam kết làm ảnh hưởng đến lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên nguyên đơn là người có quyền khởi kiện và bị đơn cư trú tại buôn T, xã Đắc L, huyện L (nay là buôn T, xã Đ), tỉnh Đắk Lắk nên vụ án thuộc quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lắk (nay là Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Đắk Lắk) theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự; Luật sửa đổi, bổ sung số 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc hội; Nghị quyết số 01/2025/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao, do đó Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã thông báo cho các đương sự tham gia phiên họp để giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nguyên đơn có mặt thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, bị đơn vắng mặt nhưng không có ý kiến phản hồi gì. Tại phiên tòa lần hai bị đơn tiếp tục vắng mặt không có lý do, vi phạm quyền, nghĩa vụ của đương sự được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng Dân sự; không có đương sự nào cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ gì khác; nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và đương sự giao nộp có lưu trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

[3] Về nội dung vụ án: Theo giấy ghi nội dung “giấy vay tiền” ngày 02/7/2019 mà nguyên đơn dùng để làm căn cứ khởi kiện bị đơn (bút lục số 29) và lời khai của nguyên đơn xác định vào 02/7/2019 giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận nguyên đơn cho bị đơn vay số tiền gốc 200.000.000 đồng, có thỏa thuận lãi suất

0.9166%/tháng, thời hạn vay là 03 năm đến hết ngày 30/6/2022 trả đủ gốc và lãi, kỳ hạn trả nợ 03 tháng trả tiền lãi một lần, còn tiền gốc trả dần trong ba năm thì trả đủ cả gốc và lãi. Đến thời hạn trả nợ nguyên đơn cho rằng bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền gốc đã vay cho nguyên đơn là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia tố tụng mà không có ý kiến phản hồi gì nên HĐXX không có căn cứ để xem xét. Nguyên đơn xác định chữ viết và chữ ký tại giấy vay tiền là do bị đơn viết và ký người vay tiền. **Tại kết luận giám định số 200/KL-KTHS ngày 15/8/2025** của Phòng kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đắk Lắk kết luận có nội dung: “*Chữ ký, chữ viết mang tên Y Ta và H L trên các tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết mang tên Y Ta và H L trên các tài liệu mẫu so sánh kí hiệu M1, M2, M3, M4, M5, M6, M7 và M8 là do cùng một người ký và viết ra*”. Do đó HĐXX xác định vào ngày 02/07/2019 bị đơn ông Y Ta và bà H L có vay của nguyên đơn là ông Y T số tiền gốc 200.000.000 đồng, với lãi suất 0.9166%/tháng, thời hạn vay là 03 năm, đến hết ngày 30/6/2022 trả đủ gốc và lãi, kỳ hạn trả nợ 03 tháng trả tiền lãi một lần, còn tiền gốc trả dần trong ba năm thì trả đủ cả gốc và lãi. Đến nay đã quá thời hạn trả nợ nhưng bị đơn chưa trả cho nguyên đơn khoản tiền nào là vi phạm sự thỏa thuận về việc vay tài sản giữa các bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả tiền. Căn cứ vào các điều 280, 463, 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, HĐXX xét thấy việc vay tiền giữa các bên là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc ông Y Ta và bà H L phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn ông Y T tổng số tiền gốc đã vay 200.000.000 đồng.

[4] Đối với tiền lãi: Theo nội dung giấy vay tiền có ghi thỏa thuận tiền lãi 0.9166%/tháng nên HĐXX xác định trường hợp vay tiền giữa các đương sự là vay có lãi suất, nguyên đơn xác định từ ngày vay 02/7/2019 đến ngày 31/3/2020 bị đơn đã trả đầy đủ tiền lãi, nhưng từ ngày 01/4/2020 cho đến nay bị đơn chưa thanh toán khoản tiền lãi nào. Nay yêu cầu bị đơn trả số tiền lãi 0.9%/tháng (làm tròn) = 10,9%/năm cho đến khi trả hết nợ, xét thấy là phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự, do đó áp dụng điểm a và điểm b khoản 5 Điều 466 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 và Nghị quyết 01/2019/NQQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao để giải quyết về tiền lãi kể từ ngày vay 01/4/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 23/9/2025 như sau: Tiền lãi đến hạn chưa trả: Tiền nợ gốc 200.000.000 đồng x 10,9% x 2.000 ngày/365 ngày = 119.452.000 đồng.

[4.1] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Y Ta và bà H L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4.2] Vậy, ông Y Ta và bà H L phải có nghĩa vụ trả cho ông Y T tổng cộng số tiền 319.452.000 đồng, trong đó tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, tiền nợ lãi 119.452.000 đồng.

[5] Về tiền án phí và tạm ứng án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết xác định tiền án phí mà đương sự phải nộp như sau:

[5.1] Về án phí: Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp, bị đơn không có đơn yêu cầu đề nghị miễn, giảm tiền án phí nhận nên phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là $319.452.000 \text{ đồng} \times 5\% = 15.972.000 \text{ đồng}$ (*mười lăm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*).

[5.2] Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện, kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

[6] Về tiền chi phí tố tụng: **Do kết luận giám định là có căn** cứ nên bị đơn phải chịu toàn bộ số tiền chi phí giám định chữ ký là 8.100.000 đồng theo quy định tại Điều 160 và 161 Bộ luật tố tụng Dân sự. Số tiền này nguyên đơn đã nộp tạm ứng và đã chi, do đó áp dụng khoản 2 Điều 162 Bộ luật tố tụng Dân sự buộc bị đơn phải hoàn trả cho nguyên đơn số tiền chi phí giám định này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 235, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng Dân sự;

Căn cứ các điều 290, 351, 352, 357, 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết.

Tuyên xử:

1. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Y T.

- Buộc ông Y T và bà H L phải có nghĩa vụ trả cho ông Y T tổng cộng số tiền nợ 319.452.000 đồng (*ba trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*), trong đó tiền nợ gốc 200.000.000 đồng (*hai trăm triệu đồng*), tiền nợ lãi 119.452.000 đồng (*một trăm mười chín triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn đồng*).

- Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Y T và bà H L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về tiền án phí và tạm ứng án phí:

- Về án phí: Buộc ông Y Ta và bà H L phải chịu 15.972.000 đồng (*mười lăm triệu chín trăm bảy mươi hai nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

- Về tạm ứng án phí: Nguyên đơn thuộc trường hợp người đồng bào dân tộc thiểu số cư trú tại xã có điều kiện, kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên đã được miễn nộp toàn bộ tiền tạm ứng án phí trước khi thụ lý vụ án nên không xem xét.

3. Về tiền chi phí tố tụng: Buộc ông Y Ta và bà H L phải trả lại cho ông Y T 8.100.000 đồng (*tám triệu một trăm nghìn đồng*) tiền chi phí giám định chữ ký.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Khu vực 6 - Đắk Lắk;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Văn Công Cường